

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....
....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc không hoàn trả khoản nợ thừa

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều ... Thông tư số .../.../TT-BTC ngày .../.../... của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số ngàytháng.... năm..... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế/Chi cục Thuế;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Không hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nợ thừa cho <<tên người nộp thuế>, mã số thuế < ...> hoặc người nộp thuế theo danh sách ban hành kèm theo Quyết định này>.

Lý do và số tiền không hoàn trả:

<Trường hợp 1: Người nộp thuế có văn bản từ chối nhận lại số tiền nợ thừa theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 80/2021/TT-BTC thì ghi:>

Người nộp thuế đã có văn bản từ chối nhận lại số tiền nợ thừa gửi cơ quan thuế ngày .../.../... với tổng số tiền nợ thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả theo từng loại tiền là: ... <loại tiền> (viết bằng chữ: ...), trong đó <chi tiết theo từng khoản nợ thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả>: [1]

<Trường hợp 2: Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 80/2021/TT-BTC thì ghi:>

- Số lượng người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có khoản nợ thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả:

- Tổng số tiền nợ thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả: [2]

(Danh sách chi tiết về người nộp thuế, khoản nợ thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả kèm theo Quyết định này)

<Trường hợp 3: Người nộp thuế có khoản nợ thừa quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 80/2021/TT-BTC thì ghi:>

- Số lượng người nộp thuế có khoản nợ thừa quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế thực hiện tất toán, không hoàn trả:

- Tổng số tiền nợ thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả: [3]

(Danh sách chi tiết về người nộp thuế, khoản nợ thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Căn cứ vào số tiền nợ thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả nêu tại Điều 1,.....[4]..... thực hiện tất toán, không hoàn trả khoản nợ thừa của người nộp thuế: đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Người nộp thuế và cơ quan thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- <CQT có khoản nợ thừa, khoản nợ, khoản thu phát sinh>
- <Các bộ phận có liên quan>;
- Lưu: VT, BP ban hành QĐ.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ [5]**

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)*

Ghi chú:

[1]: Ghi cụ thể thông tin khoản nợ thừa tất toán theo đề nghị của người nộp thuế đối với trường hợp NNT có văn bản từ chối nhận lại số tiền nợ thừa

[2], [3]: Ghi chi tiết số tiền nợ thừa theo tiểu mục, loại tiền

[4]: Tên cơ quan thuế có trách nhiệm thực hiện việc tất toán nghĩa vụ thuế trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

[5] Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.